

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 42
8. Phụ lục	43

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Việt trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 660.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 20 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là ANV.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại : (84-76) 3834060
Fax : (84-76) 3834054
E-mail : namviettagg@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 1600168736

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản – chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Nam Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800645915, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.	100%
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	Phường Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Giấy chứng nhận đầu tư số 521022000154, điều chỉnh lần thứ 04 ngày 11 tháng 10 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp.	90,82%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Trong kỳ, Công ty cổ phần Nam Việt đã chia cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 31 tháng 5 năm 2014 với số tiền là 59.044.725.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Việt khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Nam Việt trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Minh Phong	Trưởng ban	03 tháng 6 năm 2014	-
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên	03 tháng 6 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Bảy	Thành viên	29 tháng 5 năm 2013	-
Ông Trần Ngọc Hiến	Thành viên	11 tháng 6 năm 2012	03 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Thiện Khánh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	03 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 8 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

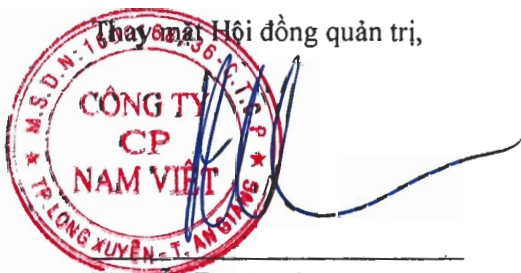
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,


Nguyễn Duy Nhứt
Phó Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0320/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Nam Việt bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các Công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số I.5) (gọi chung là Tập đoàn) được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.909.324.675.816	1.610.984.745.904
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.912.863.533	58.607.682.807
1. Tiền	111		8.912.863.533	58.607.682.807
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		352.497.000	11.261.198.355
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	502.497.000	11.261.198.355
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(150.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		548.780.784.062	608.037.821.375
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	545.385.402.164	572.344.144.061
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	96.382.563.341	79.344.106.585
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	13.780.697.668	3.441.419.413
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(106.767.879.111)	(47.091.848.684)
IV. Hàng tồn kho	140		1.147.570.616.730	877.269.987.632
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.148.752.626.752	879.843.127.881
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(1.182.010.022)	(2.573.140.249)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		203.707.914.491	55.808.055.735
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	5.782.508.084	1.419.593.091
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.705.751.195	45.341.844.728
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	971.873.600
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	162.219.655.212	8.074.744.316

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.417.540.366.116	1.200.253.958.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		582.194.971.479	597.427.112.635
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	215.110.529.664	283.570.091.046
<i>Nguyên giá</i>	222		796.016.936.496	788.077.955.741
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(580.906.406.832)	(504.507.864.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	225	V.12	86.189.295.375	91.328.875.827
<i>Nguyên giá</i>	225		117.001.281.474	104.655.432.061
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(30.811.986.099)	(13.326.556.234)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	116.150.852.520	108.612.339.954
<i>Nguyên giá</i>	228		117.035.759.775	109.218.717.993
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(884.907.255)	(606.378.039)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	164.744.293.920	113.915.805.808
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		725.243.163.696	505.265.116.259
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	517.355.000.000	275.373.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	221.023.000.000	239.504.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(13.134.836.304)	(9.611.883.741)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		110.102.230.941	97.561.730.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	99.314.525.849	90.186.946.953
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	225.000.000	237.750.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	10.562.705.092	7.137.033.055
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.326.865.041.932	2.811.238.704.806

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.973.635.875.401	1.446.271.050.125
I. Nợ ngắn hạn	310		1.855.014.741.530	1.392.149.307.372
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	1.358.547.464.118	1.110.488.976.025
2. Phải trả người bán	312	V.22	380.314.029.438	213.841.464.561
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	24.622.531.990	20.510.234.445
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	2.638.482.617	2.108.840.948
5. Phải trả người lao động	315	V.25	43.052.724.635	25.495.481.693
6. Chi phí phải trả	316	V.26	9.581.055.559	6.193.751.729
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	34.989.092.732	11.978.479.803
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28	1.269.360.441	1.532.078.168
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		118.621.133.871	54.121.742.753
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	118.621.133.871	54.121.742.753
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.352.818.255.244	1.364.503.403.110
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.352.818.255.244	1.364.503.403.110
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	108.270.425.992	119.955.573.858
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	410.911.287	464.251.571
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.326.865.041.932	2.811.238.704.806

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		93.725.796.423	93.362.436.881
5. Ngoại tệ các loại :			
Dollar Mỹ (USD)		348.920,56	740.888,82
Euro (EUR)		2.677,21	2.700,88
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Mai Ngọc Tùng
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

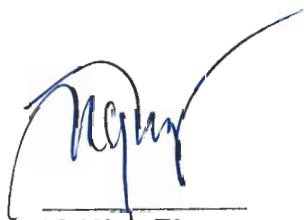
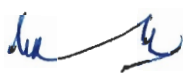

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.780.079.954.026	2.575.618.832.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10.336.726.462	16.408.811.360
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.769.743.227.564	2.559.210.020.752
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.349.241.515.044	2.210.432.591.800
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		420.501.712.520	348.777.428.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.895.545.300	24.700.646.744
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	83.338.624.982	75.326.415.902
Trong đó: chi phí lãi vay	23		65.851.935.203	68.503.212.771
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	192.476.479.686	199.000.036.451
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	113.734.619.822	94.082.706.866
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		51.847.533.330	5.068.916.477
11. Thu nhập khác	31	VI.7	13.440.285.795	5.437.096.329
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.735.567.137	3.698.487.498
13. Lợi nhuận khác	40		9.704.718.658	1.738.608.831
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.552.251.988	6.807.525.308
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	233.265.138	742.764.818
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		12.750.000	(237.750.000)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>61.306.236.850</u>	<u>6.302.510.490</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(53.340.284)	(440.063.271)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		61.359.577.134	6.742.573.761
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>935</u>	<u>103</u>

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2015


Mai Ngọc Tùng
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		61.552.251.988	6.807.525.308
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.13	97.513.977.881	96.208.747.964
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.17	61.957.852.763	50.605.830.940
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	1.095.743.509	(1.974.105.706)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(11.347.396.502)	(13.504.620.004)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	65.851.935.203	68.503.212.771
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		276.624.364.842	206.646.591.273
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.882.531.280	(101.657.349.922)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(268.909.498.871)	(98.685.980.762)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		182.000.573.349	37.598.164.545
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		33.314.568.197	(73.715.286.925)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.26, VI.4	(65.677.979.357)	(68.514.027.397)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(290.441.316)	(1.914.359.394)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		14.450.000	9.477.268.677
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(168.066.872.946)	(16.525.257.876)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.891.695.178	(107.290.237.781)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13 V.14, VII	(112.952.965.070)	(48.055.237.932)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, VII	658.994.090	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.718.000.000)	(67.338.031.800)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.478.324.055	63.329.733.598
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.15	(241.982.000.000)	(115.760.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.16	18.481.000.000	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	9.586.477.591	20.605.887.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(315.448.169.334)	(142.218.148.403)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21, V.29	4.537.647.326.595	4.184.389.609.689
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21, V.29	(4.212.777.576.045)	(3.879.523.366.854)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.21, V.29	(27.245.717.492)	(14.534.603.405)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(33.792.746.426)	(58.824.124.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		263.831.286.632	231.507.515.230
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(49.725.187.524)	(18.000.870.954)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	58.607.682.807	76.608.553.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		30.368.250	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.912.863.533	58.607.682.807

Mai Ngọc Tùng
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần Nam Việt bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản.
- Tổng số các công ty con** : 02

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	100%	100%
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	Phường Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	90,82%	90,82%

6. Danh sách công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Công ty chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 7.167 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 6.392 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn khấu hao theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 02 đến 03 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Nam Việt phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty cổ phần Nam Việt.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.083 VND/USD

31/12/2014 : 21.369 VND/USD

23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.10.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

24. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

25. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

344
3N
NHIE
OAN
18
4-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty cổ phần Nam Việt sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

26. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	337.407.115	2.342.791.745
Tiền gửi ngân hàng	8.575.456.418	56.264.891.062
Cộng	<u>8.912.863.533</u>	<u>58.607.682.807</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các cá nhân vay	502.497.000	551.502.741
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	-	4.065.696.880
Cho Công ty TNHH Cromit Nam Việt vay	-	6.643.998.734
Cộng	<u>502.497.000</u>	<u>11.261.198.355</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	385.268.660.930	357.593.981.483
Tại Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	26.626.229.608	11.952.573.072
Tại Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	133.490.511.626	202.797.589.506
Cộng	<u>545.385.402.164</u>	<u>572.344.144.061</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	96.151.271.641	78.786.298.268
Tại Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	217.791.700	549.558.317
Tại Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	13.500.000	8.250.000
Cộng	<u>96.382.563.341</u>	<u>79.344.106.585</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	252.788.483	1.023.387.030
Lãi cho vay	1.554.053.007	213.520.313
Tiền, vật tư cho mượn	971.286.756	20.597.326
Các khoản phải thu khác	11.002.569.422	2.183.914.744
Cộng	<u>13.780.697.668</u>	<u>3.441.419.413</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	47.091.848.684	67.212.465.343
Trích lập dự phòng bổ sung	59.676.030.427	49.452.968.564
Xóa nợ trong năm	-	(69.573.585.223)
Số cuối năm	<u>106.767.879.111</u>	<u>47.091.848.684</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	107.909.512.703	26.779.090.833
Nguyên liệu, vật liệu	80.750.756.307	77.191.793.035
Công cụ, dụng cụ	3.308.717.383	5.189.589.558
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	565.581.035.975	380.923.735.455
Thành phẩm	362.611.590.753	370.230.321.830
Hàng hóa	194.103.548	758.636.094
Hàng gửi đi bán	28.396.910.083	18.769.961.076
Cộng	<u>1.148.752.626.752</u>	<u>879.843.127.881</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho như sau:

Số đầu năm	2.573.140.249
Hoàn nhập dự phòng	(1.391.130.227)
Số cuối năm	<u>1.182.010.022</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	760.824.167	1.030.240.651
Công cụ dụng cụ	5.000.250.585	235.388.691
Chi phí sửa chữa	-	48.205.833
Chi phí khác	21.433.332	105.757.916
Cộng	<u>5.782.508.084</u>	<u>1.419.593.091</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	8.604.675.852	4.861.253.697
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	153.614.979.360	3.213.490.619
Cộng	<u>162.219.655.212</u>	<u>8.074.744.316</u>

(*) Tập đoàn cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 153.533.279.360 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	289.855.780.768	440.977.142.333	47.252.858.613	9.992.174.027	788.077.955.741
Tăng trong năm	2.276.935.743	7.314.658.913	2.450.461.636	190.009.000	12.232.065.292
Mua sắm mới	959.193.659	5.342.011.122	2.450.461.636	190.009.000	8.941.675.417
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.317.742.084	1.972.647.791	-	-	3.290.389.875
Giảm trong năm	(1.255.913.699)	(2.603.646.868)	(379.372.289)	(54.151.681)	(4.293.084.537)
Thanh lý, nhượng bán	(1.255.913.699)	(1.881.666.868)	(379.372.289)	-	(3.516.952.856)
Giảm khác	-	(721.980.000)	-	(54.151.681)	(776.131.681)
Số cuối năm	<u>290.876.802.812</u>	<u>445.688.154.378</u>	<u>49.323.947.960</u>	<u>10.128.031.346</u>	<u>796.016.936.496</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	166.749.674.183	128.472.045.145	20.417.586.335	7.934.409.243	323.573.714.906
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	206.318.353.074	251.828.958.398	37.906.878.443	8.453.674.780	504.507.864.695
Khấu hao trong năm	22.350.722.578	51.986.288.680	4.827.136.751	585.870.791	79.750.018.800
Thanh lý, nhượng bán	(553.299.915)	(1.642.672.778)	(379.372.289)	-	(2.575.344.982)
Giảm khác	-	(721.980.000)	-	(54.151.681)	(776.131.681)
Số cuối năm	<u>228.115.775.737</u>	<u>301.450.594.300</u>	<u>42.354.642.905</u>	<u>8.985.393.890</u>	<u>580.906.406.832</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>83.537.427.694</u>	<u>189.148.183.935</u>	<u>9.345.980.170</u>	<u>1.538.499.247</u>	<u>283.570.091.046</u>
Số cuối năm	<u>62.761.027.075</u>	<u>144.237.560.078</u>	<u>6.969.305.055</u>	<u>1.142.637.456</u>	<u>215.110.529.664</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	7.341.323.940	741.757.818	-	8.083.081.758
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Trong đó, khấu hao của các tài sản cố định hữu hình hạch toán vào chi phí khác là 82.005.000 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 178.370.161.879 VND và 13.790.971.659 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	103.238.432.061	1.417.000.000	104.655.432.061
Thuê tài chính trong năm	8.619.897.413	3.725.952.000	12.345.849.413
Số cuối năm	111.858.329.474	5.142.952.000	117.001.281.474
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	13.270.452.067	56.104.167	13.326.556.234
Khấu hao trong năm	16.901.828.070	583.601.795	17.485.429.865
Số cuối năm	30.172.280.137	639.705.962	30.811.986.099
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	89.967.979.994	1.360.895.833	91.328.875.827
Số cuối năm	81.686.049.337	4.503.246.038	86.189.295.375

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	108.856.719.893	361.998.100	109.218.717.993
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.817.041.782	-	7.817.041.782
Số cuối năm	116.673.761.675	361.998.100	117.035.759.775
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	128.058.100	128.058.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	337.955.939	268.422.100	606.378.039
Khấu hao trong năm	231.741.216	46.788.000	278.529.216
Số cuối năm	569.697.155	315.210.100	884.907.255
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	108.518.763.954	93.576.000	108.612.339.954
Số cuối năm	116.104.064.520	46.788.000	116.150.852.520
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá 108.765.312.921 VND, thời gian sử dụng lâu dài đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang và Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Bắc An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản – tiền đất	101.866.112.837	33.540.195.072	(7.817.041.782)	-	127.589.266.127
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	11.834.234.854	69.057.822.966	(3.290.389.875)	(46.805.062.086)	30.796.605.859
Nhà máy chế biến thức ăn	185.710.941	6.151.519.376	-	-	6.337.230.317
Công trình khác	29.747.176	-	-	(8.555.559)	21.191.617
Cộng	113.915.805.808	108.749.537.414	(11.107.431.657)	(46.813.617.645)	164.744.293.920

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300265969 ngày 18 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Nam Việt vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 607.500.000.000 VND, tương đương 40,5% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty cổ phần Nam Việt đã đầu tư thêm 241.982.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Nam Việt nắm giữ 51.195.500 cổ phiếu, tương đương 34,13% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem (số đầu năm là 26.997.300 cổ phiếu, tương đương 18%). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 95.545.000.000 VND.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		178.200.000.000		188.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông (MDB)	6.750.000	135.000.000.000	6.750.000	135.000.000.000
Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam(*)	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		42.823.000.000		51.304.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bàn Việt(**)	115,19	11.519.000.000	200	20.000.000.000
Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa	-	20.304.000.000	-	20.304.000.000
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
Cộng		221.023.000.000		239.504.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Trong năm Công ty cổ phần Nam Việt đã bán hết cổ phiếu của Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam với giá bán là 10.500 VND/ Cổ phiếu.
- (**) Trong năm Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt hoàn trả một phần vốn góp cho các thành viên theo Thông báo số 11-2014-TB-VCAM, do thu nhỏ quy mô.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	9.611.883.741
Trích lập dự phòng bổ sung	3.522.952.563
Số cuối năm	13.134.836.304

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	73.411.333.262	5.484.363.333	(7.738.793.926)	71.156.902.669
Công cụ, dụng cụ	10.406.724.402	29.572.382.098	(15.232.656.845)	24.746.449.655
Chi phí sửa chữa	5.352.856.883	3.110.087.076	(5.451.785.470)	3.011.158.489
Chi phí khác	1.016.032.406	603.379.926	(1.219.397.296)	400.015.036
Cộng	90.186.946.953	38.770.212.433	(29.642.633.537)	99.314.525.849

19. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	237.750.000
Phát sinh trong năm	225.000.000
Hoàn nhập trong năm	(237.750.000)
Số cuối năm	225.000.000

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.133.777.053.945	974.254.627.255
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - chi nhánh An Giang ^(a)	273.143.278.723	260.367.391.250
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - chi nhánh An Giang ^(b)	175.033.479.000	175.900.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh An Giang ^(c)	104.600.000.000	163.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn ^(d)	16.770.000.000	54.814.025.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc An Giang ^(e)	331.561.602.080	319.973.211.005
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ^(f)	122.687.751.584	-

ĐẠI
TY
HỮU
HẠN
C
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang</i> ^(a)	24.611.942.558	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình</i> ^(b)	85.369.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	197.691.022.384	112.606.578.844
<i>Hội đồng quản trị</i> ^(l)	2.420.000.000	5.506.578.844
<i>Ban Tổng Giám đốc</i> ^(m)	100.000.000.000	100.000.000.000
<i>Công ty TNHH Thanh Thiên</i> ⁽ⁿ⁾	7.100.000.000	7.100.000.000
<i>Công ty TNHH Đại Tây Dương</i> ^(o)	88.171.022.384	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.29)	27.079.387.789	23.627.769.926
Cộng	<u>1.358.547.464.118</u>	<u>1.110.488.976.025</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần Nam Việt.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty cổ phần Nam Việt và Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương.
- (c) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Công ty cổ phần Nam Việt và Công ty TNHH Đại Tây Dương.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Nam Việt.
- (f) Khoản vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị bao gồm 137.415 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 161.163 cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE và các chứng khoán thuộc sở hữu của cá nhân có liên quan bao gồm 1.627.819 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần Nam Việt.
- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần Nam Việt.
- (h) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp từ lần 01 đến lần thứ 15 tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.
- (l) Khoản vay Hội đồng quản trị để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay là 0%.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (m) Khoản vay Ban Tổng Giám đốc để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay là 0%.
- (n) Khoản vay Công ty TNHH Thanh Thiên để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay 0% và có thể điều chỉnh bằng văn bản.
- (o) Khoản vay Công ty TNHH Đại Tây Dương để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay 0%.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	974.254.627.255	112.606.578.844	23.627.769.926	1.110.488.976.025
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.341.793.362.714	113.712.385.037	2.634.913.726	4.458.140.661.477
Số kết chuyển	-	-	25.610.946.521	25.610.946.521
Số tiền vay đã trả trong năm	(4.184.149.634.548)	(28.627.941.497)	(24.825.817.405)	(4.237.603.393.450)
Chênh lệch tỷ giá	1.878.698.524	-	31.575.021	1.910.273.545
Số cuối năm	1.133.777.053.945	197.691.022.384	27.079.387.789	1.358.547.464.118

22. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	352.107.800.833	195.625.242.895
Tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	18.646.787.587	8.349.133.961
Tại Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	9.559.441.018	9.867.087.705
Cộng	380.314.029.438	213.841.464.561

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	22.954.686.375	19.268.450.097
Tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	1.667.845.615	1.241.784.348
Cộng	24.622.531.990	20.510.234.445

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.825.449.944	(3.635.215.984)	1.190.233.960
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.989.575.925	(22.989.575.925)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.361.355.607	281.582.505	(1.619.877.749)	23.060.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(971.873.600)	233.265.138	971.873.600	233.265.138
Thuế thu nhập cá nhân	744.657.901	2.859.658.965	(2.419.059.710)	1.185.257.156
Thuế tài nguyên	2.827.440	97.362.990	(93.524.430)	6.666.000
Các loại thuế khác	-	200.372.790	(200.372.790)	-
Cộng	1.136.967.348	31.487.268.257	(29.985.752.988)	2.638.482.617

(*) Trong đó:

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(290.441.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn do nộp thừa	1.262.314.916
Cộng	971.873.600

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

26. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.257.060.039	1.083.104.193
Chi phí dịch vụ khác	8.323.995.520	5.110.647.536
Cộng	<u>9.581.055.559</u>	<u>6.193.751.729</u>

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.243.000	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	2.331.821.850	1.036.098.786
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	279.815.466	6.187.735.201
Cổ tức phải trả	26.395.263.874	1.143.285.300
Nhận ký quỹ, ký cược	296.105.000	1.423.944.000
Các khoản phải trả khác	5.684.843.542	2.187.416.516
Cộng	<u>34.989.092.732</u>	<u>11.978.479.803</u>

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.532.078.168
Trích lập quỹ trong năm	14.000.000.000
Chi quỹ trong năm	<u>(14.262.717.727)</u>
Số cuối năm	<u>1.269.360.441</u>

29. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	82.141.578.844	-
Hội đồng quản trị (*)	82.141.578.844	-
Thuê tài chính	36.479.555.027	54.121.742.753
Công ty Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu	32.056.451.862	54.121.742.753
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	2.262.196.563	-
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2.160.906.602	-
Cộng	<u>118.621.133.871</u>	<u>54.121.742.753</u>

(*) Khoản vay Hội đồng quản trị để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay là 0%, thời hạn vay 03 năm.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

Từ 01 năm trở xuống	27.079.387.789
Trên 01 năm đến 05 năm	<u>118.621.133.871</u>
Tổng nợ	<u>145.700.521.660</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	54.121.742.753
Vay dài hạn phát sinh trong năm	82.141.578.844
Thuê tài chính trong năm	10.276.834.231
Chênh lệch tỷ giá	111.824.651
Số tiền thuê tài chính đã trả trong năm	(2.419.900.087)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(25.610.946.521)
Số cuối năm	118.621.133.871

30. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 43.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	33.792.746.426
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	33.792.746.426

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.000.000	66.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	394.750	394.750
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.605.250	65.605.250
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

31. **Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	482.400.000	482.400.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(71.488.713)	(18.148.429)
Cộng	410.911.287	464.251.571

Chi tiết phát sinh của Lợi ích cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	464.251.571
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	(53.340.284)
Số cuối năm	410.911.287

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	2.780.079.954.026	2.575.618.832.112
- Doanh thu bán hàng hóa	267.673.910.269	137.197.717.991
- Doanh thu bán thành phẩm	2.505.505.215.991	2.376.410.436.079
- Doanh thu bán nguyên liệu	5.950.068.759	26.125.888.210
- Doanh thu khác	950.759.007	35.884.789.832
Các khoản giảm trừ doanh thu	(10.336.726.462)	(16.408.811.360)
- Giảm giá hàng bán	(5.376.050.938)	(10.551.324.398)
- Hàng bán bị trả lại	(4.960.675.524)	(5.857.486.962)
Doanh thu thuần	<u>2.769.743.227.564</u>	<u>2.559.210.020.752</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	265.804.227.500	135.990.561.837
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.497.038.172.298	2.361.208.780.873
- Doanh thu thuần bán nguyên liệu	5.950.068.759	26.125.888.210
- Doanh thu thuần khác	950.759.007	35.884.789.832

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	255.261.516.001	126.551.437.224
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.092.252.226.062	2.026.514.605.180
Giá vốn nguyên liệu đã cung cấp	3.118.903.208	23.648.717.900
Giá vốn khác	-	35.510.799.029
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.391.130.227)	(1.792.967.533)
Cộng	<u>2.349.241.515.044</u>	<u>2.210.432.591.800</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.096.317.877	423.481.229
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158.229.839	101.107.803
Lãi tiền cho vay	4.091.692.408	7.666.313.107
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu	-	6.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.739.000.000	5.746.950.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.711.195	1.974.105.706
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.620.593.981	8.782.188.899
Cộng	<u>20.895.545.300</u>	<u>24.700.646.744</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	65.851.935.203	68.503.212.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.285.454.704	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.528.282.512	3.877.373.222
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	3.672.952.563	2.945.829.909
Cộng	<u>83.338.624.982</u>	<u>75.326.415.902</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	476.417.993	179.479.986
Chi phí nhân công	5.785.804.163	3.706.176.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.966.029.022	3.187.867.486
Chi phí hoa hồng	22.261.362.039	29.333.948.372
Chi phí vận chuyển	85.524.329.240	100.647.368.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.797.573.671	58.418.827.612
Chi phí khác	1.664.963.558	3.526.367.466
Cộng	<u>192.476.479.686</u>	<u>199.000.036.451</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.809.150.497	2.772.789.246
Chi phí nhân công	33.905.792.781	23.173.748.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	819.295.819	1.224.545.881
Thuế, phí và lệ phí	5.843.428.254	3.505.665.782
Chi phí dự phòng	59.676.030.427	49.450.966.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.057.317.915	6.615.902.100
Chi phí khác	6.623.604.129	7.339.089.256
Cộng	<u>113.734.619.822</u>	<u>94.082.706.866</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.361.994.091	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	4.596.000.990	-
Các khoản khác	7.482.290.714	5.437.096.329
Cộng	<u>13.440.285.795</u>	<u>5.437.096.329</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	941.607.874	338.624.332
Chi phí khấu hao của tài sản tạm thời ngưng hoạt động	82.005.000	1.540.228.768
Chi phí khác	2.711.954.263	1.819.634.398
Cộng	<u>3.735.567.137</u>	<u>3.698.487.498</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	61.359.577.134	6.742.573.761
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	61.359.577.134	6.742.573.761
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.605.250	65.605.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	935	103

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, các Công ty trong Tập đoàn có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến mua tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ mua tài sản cố định phải trả	4.493.359.259	7.219.952.811
Trả trước tiền mua tài sản cố định	50.472.600	50.472.600
Mua tài sản cố định bằng cách cần trừ công nợ	7.800.000.000	109.332.076.425
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	703.000.001	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Công ty đi vay	83.767.000.000	118.633.050.000
Công ty mua cá nguyên liệu	-	340.600.500
Chi phí gia công	-	521.050.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	214.131.163	-
Cộng nợ phải thu	214.131.163	-
Hội đồng quản trị	102.420.000.000	106.225.006.268
Cộng nợ phải trả	102.420.000.000	106.225.006.268

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 867.889.930 VND (năm trước là 738.825.080 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra các thành viên hội đồng quản trị còn dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì, vật tư	3.110.400.000	4.854.544
Mua sản phẩm	-	971.913.908
Mua tài sản cố định cản trừ công nợ	-	109.332.076.425
Mua công cụ	928.621.283	849.395.527
Chi phí thuê đất	-	73.944.875.724
Chi phí gia công	6.859.757.686	227.529.732
Cho vay	1.868.000.000	9.583.000.000
Lãi cho vay	75.044.736	68.015.045
Chi hộ	-	217.595.386
Đi vay	112.721.963.881	-
Công ty TNHH Thanh Thiên		
Đi vay	-	7.100.000.000
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
Cho vay	850.000.000	57.755.000.000
Triple T Corporation (USA)		
Bán hàng hóa	-	242.806.213.505

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Cho vay	-	4.065.696.880
Phải thu khác	9.597.218	-
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng	-	131.978.361
Cho vay	-	6.643.998.734
Triple T Corporation (USA)		
Phải thu bán hàng hóa	116.247.815.946	185.554.893.826
Cộng nợ phải thu	<u>116.257.413.164</u>	<u>196.396.567.801</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền vay	88.171.022.384	-
Phải trả tiền thuê đất, tiền điện, tiền mua vật tư	14.227.499.376	5.538.332.235
Công ty TNHH Thanh Thiên		
Phải trả tiền vay	7.100.000.000	7.100.000.000
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
Phải trả khác	-	1.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>109.498.521.760</u>	<u>12.639.332.235</u>

Ngoài ra, Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	2.467.570.958.137	2.198.322.569.292
Trong nước	302.172.269.427	360.887.451.460
Cộng	<u>2.769.743.227.564</u>	<u>2.559.210.020.752</u>

Các công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, chế biến và kinh doanh cá.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty liên quan và nhân viên vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.912.863.533	-	-	-	8.912.863.533
Phải thu khách hàng	422.043.716.099	-	-	123.341.686.065	545.385.402.164
Các khoản cho vay	502.497.000	-	-	-	502.497.000
Các khoản phải thu khác	176.535.090.453	-	-	1.224.311.876	177.759.402.329
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	189.719.000.000	-	-	31.304.000.000	221.023.000.000
Cộng	797.713.167.085	-	-	155.869.997.941	953.583.165.026
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.607.682.807	-	-	-	58.607.682.807
Phải thu khách hàng	523.896.944.452	-	-	48.447.199.609	572.344.144.061
Các khoản cho vay	11.261.198.355	-	-	-	11.261.198.355
Các khoản phải thu khác	8.615.939.045	-	-	939.126.393	9.555.065.438
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	208.200.000.000	-	-	31.304.000.000	239.504.000.000
Cộng	810.581.764.659	-	-	80.690.326.002	891.272.090.661

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	1.358.547.464.118	118.621.133.871	-	1.477.168.597.989
Phải trả người bán	380.314.029.438	-	-	380.314.029.438
Các khoản phải trả khác	42.237.083.441	-	-	42.237.083.441
Cộng	1.781.098.576.997	118.621.133.871	-	1.899.719.710.868
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.111.572.107.518	54.121.742.753	-	1.165.693.850.271
Phải trả người bán	213.841.464.561	-	-	213.841.464.561
Các khoản phải trả khác	16.053.001.253	-	-	16.053.001.253
Cộng	1.341.466.573.332	54.121.742.753	-	1.395.588.316.085

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	349.304,48	2.677,21	-	740.888,82	2.700,88	-
Phải thu khách hàng	25.314.925,49	-	987.261,20	25.740.686,10	-	533.459,59
Các khoản phải thu khác	256.272,94	-	-	55.000,00	-	-
Vay và nợ	(31.661.169,17)	-	-	(15.563.876,60)	-	-
Phải trả người bán	(7.785.995,11)	-	-	(2.368.576,54)	-	-
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(13.526.661,37)	2.677,21	987.261,20	8.604.121,78	2.700,88	533.459,59

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm là 5.783.188.802 VND (số năm trước là 3.628.013.990 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(520.768.472.767)	(31.661.169,17)	(723.870.929.576)	(15.563.876,60)
(Nợ phải trả) thuần	(520.768.472.767)	(31.661.169,17)	(723.870.929.576)	(15.563.876,60)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 10.415.369.455 VND (năm trước giảm/tăng 14.477.418.592 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.768.208.133VND (năm trước giảm/tăng 3.281.332.104 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn cầm cố khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phần vốn góp từ lần 01 đến lần thứ 15 tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình, Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 665.488.279.360 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 0 VND).

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.912.863.533	-	58.607.682.807	-	8.912.863.533	58.607.682.807
Phải thu khách hàng	545.385.402.164	(104.419.300.249)	572.344.144.061	(46.496.260.209)	440.966.101.915	525.847.883.852
Các khoản cho vay	502.497.000	-	11.261.198.355	-	502.497.000	11.261.198.355
Các khoản phải thu khác	177.759.402.329	(856.076.393)	9.555.065.438	(595.588.475)	176.903.325.936	8.959.476.963
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	221.023.000.000	(13.284.836.304)	239.504.000.000	(9.611.883.741)	207.738.163.696	229.892.116.259
Cộng	953.583.165.026	(118.560.212.946)	891.272.090.661	(56.703.732.425)	835.022.952.080	834.568.358.236

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	1.477.168.597.989	1.164.610.746.078	1.477.168.597.989
Phải trả người bán	380.314.029.438	213.841.464.561	380.314.029.438	213.841.464.561
Các khoản phải trả khác	42.237.083.441	17.136.105.446	42.237.083.441	17.136.105.446
Cộng	1.899.719.710.868	1.395.588.316.085	1.899.719.710.868	1.395.588.316.085

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

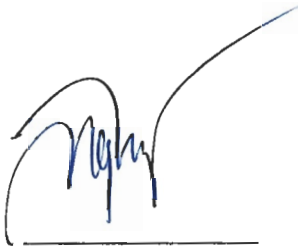
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

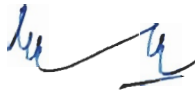
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban điều hành Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2015



Mai Ngọc Tùng
Người lập biểu



Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

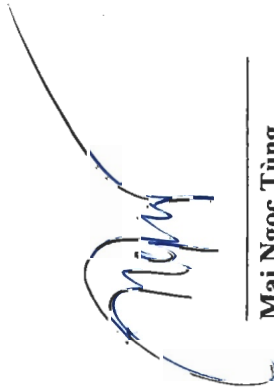
Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

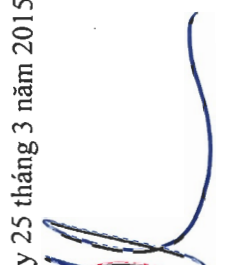
Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	172.257.725.097	1.416.805.554.349
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.742.573.761	6.742.573.761
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	119.955.573.858	1.364.503.403.110
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	119.955.573.858	1.364.503.403.110
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	61.359.577.134	61.359.577.134
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối năm	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	108.270.425.992	1.352.818.255.244


Mai Ngọc Tùng
Người lập biểu


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

